ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3695/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2026 của UBND Phường Buôn Ma Thuột)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mã Quan hệ ngân sách	Mã chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NS	Dự toán đã bố trí	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Dự toán còn được sử dụng sau điều chỉnh
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*1*	*2*	*3*	*4=1+3-2*
	TỔNG CỘNG					**29.963.000.000**	**16.640.357.000**	**16.640.357.000**	**29.963.000.000**
I	**Điều chỉnh kinh phí đã phân bổ:**					**29.963.000.000**	**16.640.357.000**	**16.640.357.000**	**29.963.000.000**
1	**Văn phòng Đảng ủy phường**	***1158306***	**819**	**351**		**671.000.000**	**291.000.000**	**205.000.000**	**585.000.000**
	Chi hoạt động tôn giáo; thăm hỏi già làng, DTTS			*351*	*12*	86.000.000	86.000.000		0
	Kinh phí báo Đảng			*351*	*12*	120.000.000	60.000.000		60.000.000
	Kinh phí cộng tác viên dư luận xã hội			*351*	*12*	60.000.000	60.000.000		0
	Kinh phí chỉnh lý, số hóa tài liệu, hồ sơ đảng			*351*	*12*	405.000.000	85.000.000		320.000.000
	Hỗ trợ chi công tác đảng theo Quy định số 196-QĐ/TU,			*351*	*12*			85.000.000	85.000.000
	KP hoạt động Ban tang lễ ĐU, CB			*351*	*12*	-		90.000.000	90.000.000
	Kinh phí tổ chức khám sức khỏe			*351*	*12*	-		30.000.000	30.000.000
2	**Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường**	**1160450**	**820**	**361**		**40.000.000**	**40.000.000**	**226.000.000**	**226.000.000**
	Mua sắm máy vi tính và máy in phục vụ công tác bí mật Nhà nước			361	12	40.000.000	40.000.000		
	Mua sắm máy vi tính, máy in và máy Scan phục vụ công tác bí mật Nhà nước			361	12			40.000.000	40.000.000
	Chi hoạt động tôn giáo; thăm hỏi già làng, DTTS			*361*	*12*	-	-	86.000.000	86.000.000
	Bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ của Đoàn thanh niên và Mặt trận và các hội đoàn thể			*361*	*12*			100.000.000	100.000.000
3	**Trung tâm chính trị**		***819***			**50.000.000**	**50.000.000**	**50.000.000**	**50.000.000**
	Kinh phí 02 lớp bồi dưỡng chuyên đề			*085*	*12*	40.000.000	40.000.000		0
	Chi mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo yêu cầu của Đảng ủy			*085*	*12*	10.000.000	10.000.000		0
	Mở thêm lớp nhận thức về Đảng và lớp lý luận chính trị cho đảng viên mới			*085*	*12*			50.000.000	50.000.000
4	**Văn phòng HĐND và UBND phường**	***1155117***	***830***			**9.026.000.000**	**6.938.600.000**	**751.000.000**	**2.838.400.000**
	Chi thực hiện một số nhiệm vụ			*341*	*12*	5.017.000.000	5.017.000.000		0
	Chi mua máy in 08 cái (VP: 02 cái, Phòng VH: 03 cái; Phòng KTHT&ĐT: 03 cái)			*341*	*12*	104.000.000	30.000.000		74.000.000
	Mua máy Scan 05 cái			*341*	*12*	65.000.000	32.000.000		33.000.000
	Tủ hồ sơ (12 cái)			*341*	*12*	84.000.000	9.600.000		74.400.000
	Bàn ghế tiếp khách (08 bộ)			*341*	*12*	104.000.000	8.000.000		96.000.000
	Phụ cấp Đại biểu HĐND + BHYT (149 Đại biểu 5 tháng; 30 đại biểu 7 tháng, người đóng BHYT)			*341*	*12*	678.000.000	141.000.000		537.000.000

	Kinh phí nghiên cứu tài liệu			*341*	*12*	82.000.000	34.000.000		48.000.000
	Khoán khai thác báo chí, thông tin			*341*	*12*	134.000.000	62.000.000		72.000.000
	Xây dựng trang tin tổng hợp của Đảng bộ và Chính quyền phường Buôn Ma Thuột			*341*	*12*	490.000.000	490.000.000		0
	KP hoạt động của tổ dân phố, Buôn			*341*	*12*	1.778.000.000	625.000.000		1.153.000.000
	Chi Sửa chữa, lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh			*341*	*12*	490.000.000	490.000.000		0
	Chi thực hiện chế độ cho đại biểu HĐND theo NQ19			*341*	*12*			81.000.000	81.000.000
	Chi thực hiện một số nhiệm vụ: Chi tiếp khách, vật dụng, chữ ký số, internet… cho UBND phường.			*341*	*12*			100.000.000	100.000.000
	Kinh phí xây dựng hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 2			*341*	*12*			27.000.000	27.000.000
	Kinh phí cước đường truyền số liệu chuyên dùng năm 2026			*341*	*12*			33.000.000	33.000.000
	Kinh phí mua 01 máy hủy tài liệu			*341*	*12*			10.000.000	10.000.000
	Kinh phí lắp đặt thiết bị và cước 12 tháng tryền tin báo cháy Gsafe			*341*	*12*			10.000.000	10.000.000
	Sơn, sửa cổng tường rào trụ sở UBND phường Buôn Ma Thuột			*341*	*12*			490.000.000	490.000.000
5	**Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường**	**1155109**	**831**			**8.148.000.000**	**5.317.514.000**	**1.603.295.000**	**4.433.781.000**
	Máy in, máy vi tính			*341*	*12*	126.000.000	98.000.000		28.000.000
	Kinh phí in ấn biên lai thu tiền			*341*	*12*	40.000.000	21.000.000		19.000.000
	Kp Xăng xe, sửa chữa xe làm công tác trật tự đô thị			*341*	*12*	120.000.000	30.000.000		90.000.000
	KP thực hiện Giải pháp giám sát hiện trạng sử dụng đất và vi phạm xây dựng trái phép			*341*	*12*	499.000.000	499.000.000		0
	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường trên địa bàn phường Buôn Ma Thuột (Tân Lợi, Tự An cũ)			292	12	1.823.000.000	863.731.000		959.269.000
	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường trên địa bàn phường Buôn Ma Thuột (Tân Thành, Tân Tiến cũ)			292	12	1.863.000.000	328.783.000		1.534.217.000
	Kinh phí thực hiện quy hoạch, lập phương án sử dụng đất			332	12	2.900.000.000	2.900.000.000		0
	Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn phường Buôn Ma Thuột năm 2026			341	12	500.000.000	300.000.000		200.000.000
	Sự nghiệp môi trường: - Công tác quản lý chất thải, điều tra đánh giá nguồn thải, thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải; -Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, chi giải thưởng, chi khen thưởng về bảo vệ môi trường; - Kinh phí lập Báo cáo công tác BVMT năm 2026			278	12	277.000.000	277.000.000		
	Mua sắm máy móc, hệ thống nhập phần mềm Tabmis			341	12			98.000.000	98.000.000
	KP tổ chức Hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn phường			341	12			30.000.000	30.000.000
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo+ rà soát hộ nghèo			398	12			21.000.000	21.000.000
	KP Đo tiếng ồn theo phản ánh kiến nghị của người dân			251	12			15.000.000	15.000.000
	KP Chỉnh trang, bổ sung hệ thống biển báo an toàn giao thông			292	12			40.295.000	40.295.000

	Số hóa dữ liệu quy hoạch sử dụng đất và xây dựng hệ thống quản lý, khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu			332	12			499.000.000	499.000.000
	Kinh phí thu thập thông tin dữ liệu đất đai			332	12			900.000.000	900.000.000
6	**Phòng Văn hoá - Xã hội phường**	**1151091**	**832**			**6.410.000.000**	**1.643.243.000**	**2.170.711.000**	**6.937.468.000**
	Chuyển đổi số; Chỉnh lý hồ sơ, tài liệu (NQ72)					5.000.000.000	1.236.176.000		3.763.824.000
	Đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, hội thi cho các trường			098	12	600.000.000	200.000.000		400.000.000
	Hỗ trợ cán bộ trực tiếp làm công nghệ thông tin (NĐ 179/2025/NĐ-CP)			341	12	60.000.000	60.000.000		-
	Sửa chữa phòng Truyền thống			341	12	450.000.000	92.767.000		357.233.000
	Tập huấn, tiền phiếu thu thập thông tin NLĐ			341	12	300.000.000	54.300.000		245.700.000
	KP tổ chức lễ kết nghĩa			341	12			60.000.000	60.000.000
	Xây dựng trang tin tổng hợp của Đảng bộ và Chính quyền phường Buôn Ma Thuột			341	12			490.000.000	490.000.000
	Kinh phí in sổ quản lý theo dõi các biến động về trẻ em			341	12			30.000.000	30.000.000
	KP chi trả trợ cấp thôi việc cho Đc Nguyễn Thị Nga			341	12			125.235.000	125.235.000
	Chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu			341	12			1.236.176.000	1.236.176.000
	KP đi công tác, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm tại Nhật Bản			341	12			54.300.000	54.300.000
	KP bầu tổ trưởng tổ dân phố			341	12			175.000.000	175.000.000
7	**Công an phường**	**1053629**	**989**			**-**	**-**	**467.000.000**	**467.000.000**
	Diễn tập an ninh mạng			041	12			300.000.000	300.000.000
	Trang bị máy đo tiếng ồn thực hiện nhiệm vụ			041	12			115.000.000	115.000.000
	Mua sắm máy ảnh phục vụ công tác nghiệp vụ chuyên ngành và các nhiệm vụ được giao có liên quan đến Đề án 06			041	12			52.000.000	52.000.000
8	**Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường**	**1096714**	**821**			**3.508.000.000**	**250.000.000**	**8.688.971.000**	**11.946.971.000**
	Sự nghiệp Phát thanh (Loại 190 - Khoản 191): chi thực hiện một số nhiệm vụ			191	12	1.161.000.000	100.000.000		1.061.000.000
	Sự nghiệp Thể thao (Loại 220 - Khoản 221): chi thực hiện một số nhiệm vụ			221	12	1.265.000.000	150.000.000		1.115.000.000
	Sự nghiệp Văn hóa (Loại 160 - Khoản 161): in băng rôn, cờ tuyên truyền (2 đợt), Ngày hội thổ cẩm, Giọng hát hay			161	12	1.082.000.000		250.000.000	1.332.000.000
	Trang trí đèn nghệ thuật tuyến đường Võ Nguyên Giáp			312	12			5.000.000.000	5.000.000.000
	Sửa chữa, thay đổi nội dung tên gọi trên các cổng chào tại các Tổ dân phố, buôn trên địa bàn phường Buôn Ma Thuột			341	12			480.000.000	480.000.000
	Sửa chữa, nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ nút giao Nguyễn Đức Cảnh đến Phan Chu Trinh)			312	12			1.092.514.000	1.092.514.000
	Sơn, kẻ vạch vỉa hè một số tuyến đường trung tâm phường Buôn Ma Thuột			312	12			99.000.000	99.000.000
	Sửa chữa, cải tạo trụ cờ trung tâm Quảng trường 10-3			312	12			220.000.000	220.000.000

	Sửa chữa vỉa hè xung quanh Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Buôn Ma Thuột			312	12			496.784.000	496.784.000
	Nâng cấp, sửa chữa đường vào TDP3 Tân Thành, phường Buôn Ma Thuột			292	12			830.673.000	830.673.000
	Lắp đặt thùng rác công cộng trên dịa bàn phường Buôn Ma Thuột			278	12			220.000.000	220.000.000
9	**Ban Chỉ huy quân sự phường**	**1053630**	**989**			**-**	**-**	**250.000.000**	**250.000.000**
	Bổ sung kinh phí sơ khám sức khỏe NVQS			011	12			100.000.000	100.000.000
	Mua sắm, lắp đặt màn hình Led			011	12			150.000.000	150.000.000
10	**Trạm Y tế**	**1168909**	**823**			**2.110.000.000**	**2.110.000.000**	**2.228.380.000**	**2.228.380.000**
	Mua sắm máy X-quang phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh			131	12	2.000.000.000	2.000.000.000		-
	Mua sắm máy Photocopy phục vụ công tác chuyên môn			131	12	110.000.000	110.000.000		-
	Hoạt động phòng chống sốt xuất huyết			131	12	-		63.690.000	63.690.000
	Hoạt động tiêm chủng mở rộng			131	12			18.690.000	18.690.000
	KP khám sức khỏe toàn dân			131	12			131.000.000	131.000.000
	Hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm (mô hình Tuyến phố ATTP)			131	12			15.000.000	15.000.000
	Mua sắm máy xét nghiệm và trang thiết bị y tế			131	12			2.000.000.000	2.000.000.000